

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-3-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý Và Dương, bà Nguyễn Thị Hương Giang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 12/2024/TLST- HNGĐ ngày 09/01/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2014 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trương Thị V**, sinh năm: 1991

2. *Bị đơn:* Anh **Đặng Nhật Đ**, sinh năm: 1990

Cùng địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai

(Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2023 và quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn chị Trương Thị V trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 164 ngày 11/7/2014. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến đời sống hôn nhân không hòa thuận, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Chị xác định không còn tình cảm thương yêu với anh Đ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Đặng Bảo Lâm sinh ngày 28/11/2014 và Đặng Thị Bảo N sinh ngày 27/7/2018, khi ly hôn chị V yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và đồng ý giao cháu L cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị V khai không có.

Chị V xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

***Theo biên bản lấy lời khai ngày 24/01/2024 anh Đặng Nhật Đ trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị V tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 164 ngày 11/7/2014. Anh thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau và vợ chồng đã sống ly thân không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Nay anh Đ đồng ý ly hôn với chị V.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Đặng Bảo Lâm sinh ngày 28//11/2014 và Đặng Thị Bảo N sinh ngày 27/7/2018, khi ly hôn anh Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và đồng ý giao cháu N cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Đ khai không có.

***Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; thời hạn giải quyết vụ án và thủ tục cấp tổng đạt cho đương sự đúng quy định. Các quyền, nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trương Thị V.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Đặng Bảo L1 cho anh Đ và giao cháu Đặng Thị Bảo N cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên tạm miễn.

Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trương Thị V phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị V yêu cầu khởi kiện ly hôn và giải quyết về con chung đối với bị đơn anh Đặng Nhật Đ có nơi cư trú tại: Ấp F, xã T, huyện Đ nên xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định tư cách đương sự: Chị Trương Thị V là nguyên đơn; anh Đặng Nhật Đ là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về thủ tục tổng đạt: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo quy định, các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về đường lối giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của các đương sự cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện chị V, anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ vào năm 2014, như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị V yêu cầu ly hôn với anh Đ, Tòa án áp dụng các Điều 51, 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Lý do chị V yêu cầu ly hôn là trong thời gian chung sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến đời sống hôn nhân không hòa thuận, cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi vã, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Bị đơn anh Đ thừa nhận mâu thuẫn như trên và xác nhận cuộc sống vợ chồng không thể đoàn tụ do đó đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V.

Do các đương sự đều thừa nhận cuộc sống đã xảy ra mâu thuẫn, không thể đoàn tụ do đó căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh.

Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị V mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy yêu cầu ly hôn của chị V là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Đặng Bảo Lâm sinh ngày 28//11/2014 và Đặng Thị Bảo N sinh ngày 27/7/2018. Xét thấy trong thời gian sống ly thân chị V đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, anh Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1, các cháu đều được chăm sóc phát triển bình thường và điều kiện kinh tế của các bên đều đảm bảo việc nuôi con. Đồng thời sau ly hôn chị V có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, anh Đ có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu L1.

Vì vậy để đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý cũng như sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần và quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu L1 cho anh Đ và giao cháu N cho chị V trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Trương Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị V về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Đặng Nhật Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị V được ly hôn với anh Đặng Nhật Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Bảo Lâm s ngày 28//11/2014 cho anh Đ và giao cháu Đặng Thị Bảo N sinh ngày 27/7/2018 cho chị N1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau ly hôn.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu nên tạm thời miễn nghĩa vụ trên cho anh Đ, chị V.

Chị V và anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị V và anh Đ không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trương Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị V đã nộp (theo biên lai số 0014086 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán).

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA huyện Định Quán;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Sơn, ĐQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Huyền Trang**

